



Bài 1 TÔI ĐI HỌC

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Phát triển kĩ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một VB tự sự ngắn và đơn giản, kể lại một trải nghiệm từ ngôi thứ nhất; đọc đúng văn *yêm* và tiếng, từ ngữ có vần này hiểu và trả lời các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.
- Phát triển kĩ năng viết** thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn.
- Phát triển kĩ năng nói và nghe** thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.
- Phát triển phẩm chất và năng lực chung:** tình cảm đối với bạn bè, thầy cô, trường lớp; khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc của bản thân; khả năng làm việc nhóm.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm VB tự sự, kể lại một trải nghiệm từ ngôi thứ nhất; nắm được nội dung VB *Tôi đi học*; cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong VB.
- GV nắm được đặc điểm phát âm, cấu tạo văn *yêm*; nghĩa của các từ ngữ khó trong VB (*buổi mai, áu yếm, bờ ngõ, nếp*) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

2. Kiến thức đời sống

- Hiểu tâm lí chung của HS lớp 1 trong ngày đầu đến trường.
- Nắm được những hoạt động diễn ra ở trường lớp và xác định những hoạt động nào thường khiến HS thấy vui, thấy thân thiết với thầy cô, bạn bè.

3. Phương tiện dạy học

Tranh minh họa có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Khởi động

- GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi (a. *Hình ảnh bạn nào giống với em trong ngày đầu đi học?* b. *Ngày đầu đi học của em có gì đáng nhớ?*).
- Một số (2 – 3) HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.
- GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài đọc *Tôi đi học*. (Gợi ý: Chỉ rõ một bạn trong tranh và nêu điểm giống (VD: khóc nhẹ, đến trường cùng các bạn khác, bố mẹ chờ đi, vui vẻ chào bố mẹ). Kể lại một kỉ niệm trong ngày đầu đi học.)

2. Đọc

- GV đọc mẫu toàn VB. Chú ý đọc đúng lời người kể (nhân vật “tôi”), ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ.
- GV hướng dẫn HS luyện phát âm từ ngữ có vần mới
 - + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có vần mới trong bài đọc (*âu yếm*).
 - + GV đưa từ *âu yếm* lên bảng và hướng dẫn HS đọc. GV đọc mẫu vần *yêm* và từ *âu yếm*, HS đọc theo đồng thanh.
 - + Một số (2 – 3) HS đánh vần, đọc trọn, sau đó, cả lớp đọc đồng thanh một số lần.
- HS đọc câu
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số tiếng khó: *quanh, nhiên, hiền, riêng*.
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài. (VD: *Một buổi mai,/ mẹ âu yếm nắm tay tôi/ dẫn đi trên con đường làng/ dài và hẹp; Con đường này/ tôi đã đi lại nhiều lần,/ nhưng lần này/ tự nhiên thấy lạ; Tôi nhìn bạn ngồi bên,/ người bạn chưa quen biết,/ nhưng không thấy xa lạ chút nào*.)
- HS đọc đoạn
 - + GV chia VB thành các đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *tôi đi học*, đoạn 2: phần còn lại).
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt.
 - + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong VB (*buổi mai*: buổi sáng sớm; *âu yếm*: biểu lộ tình yêu thương bằng đáng địệu, cử chỉ, giọng nói; *bó ngắt*: ngọt ngào, lúng túng vì chưa quen thuộc; *nép*: thu người lại và áp sát vào người, vật khác để tránh hoặc để được che chở).
 - + HS đọc đoạn theo nhóm.

- HS và GV đọc toàn VB
- + 1 – 2 HS đọc thành tiếng toàn VB.
- + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi.

TIẾT 2

3. Trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi (a. Ngày đầu đi học, bạn nhỏ thấy cảnh vật xung quanh ra sao? b. Những học trò mới đã làm gì khi còn bỡ ngỡ? c. Bạn nhỏ thấy người bạn ngồi bên thế nào?).
 - HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh họa và câu trả lời cho từng câu hỏi.
 - GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.
 - GV và HS thống nhất câu trả lời (a. Ngày đầu đi học, bạn nhỏ thấy cảnh vật xung quanh đều thay đổi hoặc Ngày đầu đi học, bạn nhỏ thấy tất cả cảnh vật xung quanh đều thay đổi, con đường đang rất quen bỗng thành lạ; b. Những học trò mới đứng nép bên người thân; c. Bạn nhỏ cảm nhận người bạn ngồi bên không xa lạ chút nào).
- Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS (nếu cần).

4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a ở mục 3

- GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi a (có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở. (a. Ngày đầu đi học, bạn nhỏ thấy cảnh vật xung quanh đều thay đổi.)
- GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu; đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.
- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

TIẾT 3

5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.
- GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu hoàn chỉnh. (Cô giáo âu yếm nhìn các bạn chơi ở sân trường.)
- GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.
- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh

- GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.
- Yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.

- GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh.
- HS và GV nhận xét.

TIẾT 4

7. Nghe viết

- GV đọc to cả hai câu (*Mẹ dẫn tôi đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã đi lại nhiều mà sao thấy lạ.*)
- GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.
 - + Viết lùi dấu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.
 - + Chữ dễ viết sai chính tả: *đường, nhiều,...*
- GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.
- Đọc và viết chính tả:
 - + GV đọc từng câu cho HS viết. Mỗi câu cần đọc theo từng cụm từ (*Mẹ dẫn tôi đi/ trên con đường làng/ dài và hẹp./ Con đường/ tôi đã đi lại nhiều/ mà sao thấy lạ.*). Mỗi cụm từ đọc 2 – 3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.
 - + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.
 - + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.
 - + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

8. Tìm trong hoặc ngoài bài đọc *Tôi đi học* từ ngữ có tiếng chứa vần ương, ươn, ươi, ươu

- GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể có ở trong bài hoặc ngoài bài.
- HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc thành tiếng từ ngữ có tiếng chứa các vần ương, ươn, ươi, ươu.
- HS nêu những từ ngữ tìm được. GV viết những từ ngữ này lên bảng.
- Một số (2 – 3) HS đánh vần, đọc trọn; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

9. Hát một bài hát về ngày đầu đi học

- HS nghe bài hát qua băng đĩa, youtube hoặc qua sự thể hiện của một HS trong lớp.
- GV đưa ra một vài câu hỏi giúp HS hiểu lời bài hát.
- HS nói một câu về ngày đầu đi học.

10. Củng cố

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.
- HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.
- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.